



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 12

Số 293 (01/12/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
05-11-2009	Quyết định số 87/2009/QĐ-UBND về thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy.	03
05-11-2009	Chỉ thị số 19/2009/CT-UBND về việc phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	06
06-11-2009	Quyết định số 88/2009/QĐ-UBND về thời gian nuôi dưỡng người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	16
09-11-2009	Quyết định số 5081/QĐ-UBND về phụ cấp đối với Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	18
10-11-2009	Quyết định số 89/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính tại Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh.	20

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

- 18-11-2009 Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của phòng Tư pháp quận Tân Bình. 31
-
- 18-11-2009 Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Bình. 41
-

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

- 05-11-2009 Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý kiến trúc đô thị trên trục đường Lũy Bán Bích quận Tân Phú. 50
-

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức
làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy,
người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 114/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2007/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính về thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2009/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình liên Sở số 8417/LSTC-NV-LĐTBXH ngày 29 tháng 10 năm 2009 của Sở Tài chính - Sở Nội vụ và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố về ban hành chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chế độ phụ cấp cho cán bộ - viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố các chế độ phụ cấp theo quy định của Trung ương, như sau:

Mỗi cán bộ, viên chức chỉ được hưởng một phụ cấp ưu đãi theo nghề với mức phụ cấp ưu đãi cao nhất, theo địa bàn trú đóng của đơn vị.

Phụ cấp ưu đãi theo nghề (Gồm ba loại phụ cấp)	Mức hưởng theo địa bàn trú đóng của đơn vị	
	Tỉnh	Thành phố Hồ Chí Minh
1. Phụ cấp ưu đãi y tế:		
- Trực tiếp khám, điều trị, chăm sóc, xét nghiệm đối với người bị bệnh AIDS tại các trung tâm <u>có phân khu riêng biệt</u> :		
+ Theo phân loại lâm sàng giai đoạn IV	70%	70%
+ Theo phân loại lâm sàng giai đoạn III	60%	60%
- Trực tiếp làm chuyên môn y tế và làm công việc trông coi, bảo vệ, vận chuyển... người bị nhiễm HIV/AIDS	50%	40%
- Trực tiếp khám bệnh, chẩn đoán, xét nghiệm, phục vụ... trong quá trình cắt cơn, giải độc cho người nghiện ma túy	35%	30%
2. Phụ cấp ưu đãi giáo dục (Trực tiếp dạy văn hóa, giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách)	50%	40%
3. Phụ cấp ưu đãi đối với cán bộ, viên chức làm công tác quản lý (Cán bộ không trực tiếp làm chuyên môn y tế, dạy văn hóa, giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách và dạy nghề)	25%	15%

Điều 2. Thời gian thực hiện chế độ phụ cấp nêu tại Điều 1 được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2009.

Điều 3. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Y tế và Chỉ huy trưởng Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2009/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2009

CHỈ THỊ

Về việc phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đã được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 và các văn bản pháp luật nhà nước có liên quan. Nhằm thống nhất và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế thế giới, phục vụ phát triển kinh tế xã hội, góp phần tăng cường ý thức tuân thủ pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của toàn xã hội thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị:

1. Nội dung quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố, bao gồm:

a) Nghiên cứu xây dựng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, quy hoạch, kế hoạch quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa dài hạn, 5 năm và hàng năm.

b) Nghiên cứu và ban hành các biện pháp khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa; và các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố.

c) Ban hành các văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố.

d) Xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng trong phạm

vi quản lý của thành phố đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình đặc thù, các yêu cầu cụ thể về môi trường phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, thủy văn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

đ) Hướng dẫn việc áp dụng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài và tiêu chuẩn quốc tế; hướng dẫn việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.

e) Quản lý các hoạt động công bố tiêu chuẩn áp dụng, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, các tổ chức đánh giá sự phù hợp và cung cấp dịch vụ đánh giá sự phù hợp; bao gồm thử nghiệm, hiệu chuẩn, kiểm định, chứng nhận, giám định tại địa phương theo phân cấp của nhà nước.

g) Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

h) Tổ chức nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

i) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tìm hiểu thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

k) Kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo đúng quy định của nhà nước.

2. Phân công trách nhiệm:

a) Sở Khoa học và Công nghệ:

- Là đầu mối phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố được quy định tại khoản 1 của Chỉ thị này.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng.

- Tổ chức tiếp nhận và quản lý bản công bố hợp chuẩn đối với các sản phẩm, hàng hóa của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức tiếp nhận và quản lý bản công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa chịu sự điều chỉnh của các quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo lĩnh vực được nhà nước phân công quản lý.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan đề xuất kế hoạch và triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương thuộc lĩnh vực được phân công cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và các quy định khác của nhà nước có liên quan.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện và các đơn vị có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết các tranh chấp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng trên địa bàn thành phố theo quy định tại điểm h khoản 1 và theo lĩnh vực được phân công tại khoản 3 của Chỉ thị này.

- Giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa bàn.

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ngành lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra và báo cáo kết quả công tác quản lý về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố, theo định kỳ hàng quý, 6 tháng và một năm hoặc đột xuất để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thành phố là cơ quan trực tiếp giúp Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn thành phố và chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực này.

b) Các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan:

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo các nội dung và lĩnh vực được quy định tại

khoản 1 và khoản 3 của Chỉ thị này và theo phân cấp của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực được nhà nước phân công.

- Chủ trì hoặc phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất kế hoạch xây dựng và tham gia xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo lĩnh vực thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực được quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

- Tổ chức tiếp nhận và quản lý bản công bố hợp quy của sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực được phân công quản lý, theo quy chuẩn kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân thành phố ban hành. Trình tự và thủ tục tiếp nhận bản công bố hợp quy được quy định tại Quyết định số 24/2007/QĐ-BKHHCN ngày 28 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định về chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy và công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy”; định kỳ hàng quý lập danh sách các tổ chức, cá nhân đã công bố hợp quy gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 của Chỉ thị này và thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo kiểm soát chất lượng sản phẩm trong sản xuất theo phân công tại điểm 3.1, và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng theo phân công tại điểm 3.2 của Chỉ thị này.

- Giúp Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại địa bàn, theo lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa của ngành được nhà nước phân công quản lý.

- Thông báo cho Sở Khoa học và Công nghệ về đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa và cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại khoản 3 của Chỉ thị này để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố trong tháng 12 hàng năm.

- Định kỳ hàng quý, sáu tháng và hàng năm vào ngày 25 của tháng cuối kỳ phải gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra và báo cáo về tình hình, kết quả quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của ngành mình hoặc báo cáo đột xuất (theo yêu cầu cụ thể) cho Sở Khoa học

và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Ủy ban nhân dân quận - huyện:

- Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở quản lý chuyên ngành của thành phố.

- Phân công bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thực hiện các công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và làm đầu mối quan hệ, phối hợp thực hiện với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở quản lý chuyên ngành của thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện pháp luật của nhà nước và của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Tham gia hoạt động kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường thuộc địa bàn quản lý; xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng hàng hóa theo thẩm quyền.

- Thực hiện đầy đủ chế độ cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ hàng quý, 6 tháng và hàng năm vào ngày 25 của tháng cuối kỳ hoặc đột xuất (theo yêu cầu cụ thể) về tình hình hoạt động và diễn biến chất lượng sản phẩm, hàng hóa lưu thông trên thị trường địa bàn quản lý cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Ủy ban nhân dân cấp phường - xã, thị trấn:

- Tổ chức hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra và xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn theo phân cấp quản lý được giao.

- Phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, thanh tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn theo quy định của pháp luật nhà nước.

3. Phân công lĩnh vực quản lý nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa đặc thù, như sau:

3.1. Đối với chất lượng sản phẩm trong sản xuất: lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa phân công quản lý cho các Sở, ngành được quy định tương ứng theo lĩnh vực phân công cho các Bộ, ngành tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31

tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cụ thể như sau:

a) Sở Y tế quản lý:

- Y dược cổ truyền; sức khỏe của cộng đồng; vệ sinh an toàn thực phẩm, thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bổ sung, phụ gia thực phẩm, nước uống, nước sinh hoạt, nước khoáng thiên nhiên; thuốc lá điếu; hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế;

- Khám, chữa bệnh, chăm sóc, điều dưỡng, phục hồi chức năng, giải phẫu thẩm mỹ;

- Thuốc, mỹ phẩm dùng cho người;

- Trang thiết bị và công trình y tế.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý:

- Giống cây trồng, giống vật nuôi; nông sản, lâm sản, thủy sản, muối; gia súc gia cầm, vật nuôi;

- Vật tư nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; phân bón, thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;

- Sản phẩm, dịch vụ trong nuôi trồng, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển nông sản, lâm sản, thủy sản, muối;

- Phụ gia, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; thuốc bảo vệ thực vật, động vật;

- Công trình thủy lợi, đê điều;

- Dụng cụ đánh bắt thủy sản, các thiết bị đòi hỏi yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong ngành thủy sản.

c) Sở Giao thông vận tải quản lý:

- Các loại phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải;

- Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố;

- Dịch vụ trong lĩnh vực giao thông, vận tải.

d) Sở Xây dựng quản lý:

- Công trình xây dựng dân dụng, nhà ở và công sở;
- Vật liệu xây dựng;
- Hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình đê, đập, cống, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Dịch vụ trong lĩnh vực xây dựng.

đ) Sở Quy hoạch - Kiến trúc quản lý:

Kiến trúc, quy hoạch xây dựng bao gồm: quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, quy hoạch xây dựng các cửa khẩu biên giới quốc tế quan trọng.

e) Sở Công Thương quản lý:

- Hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp;
- Máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;
- Sản phẩm công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác theo quy định của pháp luật;
- Dịch vụ trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;
- Thương mại điện tử.

g) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý:

- Máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động; phương tiện bảo vệ cá nhân đối với người lao động;
- Các sản phẩm đặc thù về an toàn lao động theo quy định của pháp luật;
- Các công trình vui chơi công cộng;
- Dịch vụ trong lĩnh vực lao động, thương binh, xã hội.

h) Sở Thông tin và Truyền thông quản lý:

- Sản phẩm báo chí; xuất bản; bưu chính và chuyên phát;
- Thiết bị viễn thông, công trình viễn thông;
- Mạng lưới, công trình, sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, điện tử và công nghệ thông tin;
- Tần số vô tuyến điện và thiết bị phát, thu phát sóng vô tuyến điện;

- Dịch vụ trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông.

i) Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý:

- Các sản phẩm tài nguyên, nước và khoáng sản;
- Các sản phẩm về môi trường và các sản phẩm liên quan đến môi trường;
- Các sản phẩm về khí tượng thủy văn;
- Các sản phẩm về đo đạc bản đồ;
- Dịch vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

k) Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý:

- Sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu hướng dẫn giáo viên;
- Thiết bị dạy học, cơ sở vật chất, đồ chơi cho trẻ em trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật nhà nước;
- Dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

l) Sở Tài chính quản lý: các sản phẩm liên quan đến dự trữ quốc gia, kinh doanh xổ số, hoạt động chứng khoán; dịch vụ bảo hiểm, kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế, thẩm định giá, hải quan.

m) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý:

- Ấn phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật;
- Công trình thể thao; trang thiết bị luyện tập, thi đấu của các cơ sở thể dục thể thao và của các môn thể thao.

n) Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh quản lý: tiền tệ, hoạt động ngân hàng, các thiết bị chuyên dùng cho ngân hàng.

o) Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố quản lý: phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng không thuộc đối tượng bí mật quốc gia.

p) Công an thành phố quản lý: trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí, khí tài vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và các loại sản phẩm khác sử dụng cho lực lượng Công an nhân dân không thuộc đối tượng bí mật quốc gia.

q) Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy quản lý: trang thiết bị, dụng cụ phòng cháy và chữa cháy.

r) Sở Khoa học và Công nghệ quản lý: thiết bị an toàn bức xạ hạt nhân và các

nguồn phóng xạ; phương tiện, dụng cụ đo lường và các sản phẩm, hàng hóa khác (trừ các sản phẩm, hàng hóa do các cơ quan chuyên môn quản lý nói trên và các sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, bí mật quốc gia).

3.2. Đối với chất lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng có khả năng gây mất an toàn: lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa phân công quản lý cho các Sở, ngành được quy định tương ứng theo lĩnh vực phân công cho các Bộ, ngành quy định tại khoản 4 Điều 69 và khoản 2 Điều 70 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Danh mục hàng hóa phải kiểm định chất lượng do các Bộ ngành quản lý, lĩnh vực ban hành được quy định tại Điều 15 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cụ thể như sau:

a) Sở Y tế chịu trách nhiệm đối với thực phẩm, dược phẩm, vắc xin, sinh phẩm y tế, mỹ phẩm, nguyên liệu sản xuất thuốc và thuốc cho người, hóa chất gia dụng, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn, trang thiết bị y tế;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm đối với cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, chế phẩm sinh học dùng trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công trình thủy lợi, đê điều;

c) Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm đối với phương tiện giao thông vận tải, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công vận tải chuyên dùng, phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác trên biển, công trình hạ tầng giao thông;

d) Sở Công Thương chịu trách nhiệm đối với thiết bị áp lực, thiết bị nâng đặc thù chuyên ngành công nghiệp, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, trang thiết bị khai thác mỏ, dầu khí (trừ các thiết bị, phương tiện thăm dò, khai thác trên biển);

đ) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm đối với công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật;

e) Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố chịu trách nhiệm đối với phương tiện, trang thiết bị quân sự, vũ khí đạn dược, khí tài, sản phẩm phục vụ quốc phòng, công trình quốc phòng;

g) Công an thành phố chịu trách nhiệm đối với trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí đạn dược, khí tài, công cụ hỗ trợ (trừ các trường hợp quy định tại điểm e, khoản này);

h) Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy chịu trách nhiệm đối với trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn;

i) Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm: thực hiện quản lý chất lượng đối với các loại hàng hóa liên quan đến an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, thiết bị đo lường và sản phẩm, hàng hóa khác (trừ sản phẩm, hàng hóa đã nêu tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, khoản này).

Các Sở, ngành tùy theo yêu cầu quản lý đặc thù của mình, trong từng thời kỳ sẽ lập danh mục cụ thể cho từng nhóm sản phẩm, hàng hóa dựa vào lĩnh vực được phân công để trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét giao nhiệm vụ.

4. Tổ chức thực hiện:

- Các Sở, ngành, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn được phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại khoản 2 và khoản 3 của Chỉ thị này chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện để đảm bảo việc quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định.

- Các cơ quan theo nhiệm vụ được giao quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa chậm nhất vào cuối quý III hàng năm phải có kế hoạch kiểm tra tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng và dự toán kinh phí vào kế hoạch chung cho năm sau của đơn vị để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt thực hiện.

- Thủ trưởng các Sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị này.

- Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra và định kỳ tổng hợp báo cáo việc thực hiện Chỉ thị này cho Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Điều khoản thi hành:

Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Chỉ thị số 24/CT-UB-KT, ngày 29 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về việc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về thời gian nuôi dưỡng người lang thang xin ăn,
sinh sống nơi công cộng tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội
thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 68/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội và Thông tư số 07/2009/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2009 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 68/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 183/2006/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 104/2003/QĐ-UB ngày 27 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 7719/LĐTBXH-XH ngày 13 tháng 10 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định về thời gian nuôi dưỡng người lang thang xin ăn, sinh sống nơi công cộng tại các Trung tâm Bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội như sau:

1. Đối với người lang thang xin ăn:

a) Đối tượng có hành vi xin ăn bị đưa vào Trung tâm Bảo trợ xã hội lần đầu: thời gian nuôi dưỡng không quá 03 tháng; sau thời gian trên đối tượng mới được bảo lãnh.

b) Đối tượng có hành vi xin ăn bị đưa vào Trung tâm Bảo trợ xã hội từ lần thứ 2 đến lần thứ 4: thời gian nuôi dưỡng không quá 06 tháng; sau thời gian trên đối tượng mới được bảo lãnh.

c) Đối tượng có hành vi xin ăn bị đưa vào Trung tâm Bảo trợ xã hội từ lần thứ 5 trở lên: thời gian nuôi dưỡng không quá 01 năm; sau thời gian trên đối tượng mới được bảo lãnh.

2. Đối với người lang thang sinh sống nơi công cộng:

a) Đối tượng bị đưa vào Trung tâm Bảo trợ xã hội từ 02 đến 03 lần: thời gian nuôi dưỡng không quá 03 tháng; sau thời gian trên đối tượng mới được bảo lãnh.

b) Đối tượng bị đưa vào Trung tâm Bảo trợ xã hội từ lần thứ 04 trở lên: thời gian nuôi dưỡng không quá 06 tháng; sau thời gian trên đối tượng mới được bảo lãnh.

Điều 2. Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn đưa đối tượng trở về với gia đình, trong đó quy định những trường hợp đặc biệt cho phép gia đình bảo lãnh đối tượng trước thời hạn nuôi dưỡng quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5081/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Về phụ cấp đối với Bí thư cấp ủy đồng thời là
Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Chương trình hành động số 39-CTrHD/TU ngày 08 tháng 7 năm 2008 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện thí điểm Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân;

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại Công văn số 3677-CV/VPTU ngày 05 tháng 10 năm 2009 của Văn phòng Thành ủy về phụ cấp đối với cán bộ thực hiện thí điểm Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn và trợ cấp nghỉ việc đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1385/TTr-SNV ngày 19 tháng 10 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chấp thuận cho Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn chi trả phụ cấp đối với Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, như sau:

1. Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện được

hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 50% lương và phụ cấp hiện hưởng; nguồn chi từ quỹ lương của cơ quan nơi cán bộ hưởng lương.

2. Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn được hưởng phụ cấp 1.500.000 đồng/người/tháng; nguồn chi từ nguồn kinh phí thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính của phường - xã, thị trấn.

3. Thời gian thực hiện: kể từ ngày có quyết định nhận nhiệm vụ Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở - ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 89/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính tại Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008;

Căn cứ Thông tư số 03/2005/TT-BTP ngày 04 tháng 5 năm 2005 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3403/TTr-STP-BTTP ngày 29 tháng 10 năm 2008, Công văn số 1855/STP-BTTP ngày 02 tháng 7 năm 2009 và Công văn số 10615/LS-STC-STP ngày 30 tháng 10 năm 2009 của Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Tư pháp về ban hành Quy chế phối hợp trong công tác bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính tại Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính tại Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Cục trưởng Cục Hải quan thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp trong công tác bán đấu giá tài sản là tang vật,
phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính tại Trung tâm
Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 89/2009/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)**

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định về trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do người có thẩm quyền của cơ quan Trung ương, Thành phố ra quyết định tịch thu.

Điều 2. Đối tượng thực hiện

Người có thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của cơ quan Trung ương và Thành phố, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Cục Thuế thành phố, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố (sau đây gọi là Trung tâm) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp một cách đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn nhằm đảm bảo việc bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính đúng quy định pháp luật.

2. Việc phối hợp hoạt động được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế hoạt động của mỗi cơ quan, tổ chức, cá nhân và các quy định của

pháp luật, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của người khác.

3. Việc phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính phải tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục, thời gian của pháp luật về bán đấu giá tài sản và pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát, trao đổi thông tin kịp thời để phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh đối với các vi phạm phát sinh trong quá trình xử lý tài sản.

Chương II

CHUYỂN GIAO VÀ ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN ĐỂ BÁN ĐẤU GIÁ

Điều 4. Chuyển giao tài sản bán đấu giá

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra quyết định tịch thu tài sản, người ra quyết định tịch thu chuyển giao tài sản cho Trung tâm để bán đấu giá. Người ra quyết định tịch thu tổng hợp danh mục tài sản, bố trí lịch và gửi thư mời Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan trước ít nhất 03 ngày để các đơn vị chuẩn bị tham dự việc chuyển giao tài sản. Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhận chuyển giao tài sản theo nội dung thư mời.

Trường hợp người ra quyết định tịch thu tài sản là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thì người đang tạm giữ tài sản thực hiện việc chuyển giao tài sản.

2. Khi chuyển giao tài sản, bên chuyển giao có trách nhiệm lập biên bản bàn giao tài sản. Biên bản phải thể hiện các nội dung sau: ngày, tháng, năm chuyển giao; người chuyển giao; người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản.

3. Hồ sơ chuyển giao tài sản cho Trung tâm bao gồm: quyết định tịch thu tang vật, phương tiện để bán đấu giá; Biên bản bàn giao tài sản và các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến tài sản chuyển giao (nếu có).

4. Trong trường hợp tài sản là hàng hóa công kênh hoặc có số lượng lớn mà Trung tâm chưa có nơi cất giữ thì được tiếp tục bảo quản tại nơi đang lưu giữ tài sản. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận bàn giao, Trung tâm có trách nhiệm ký hợp đồng hoặc biên bản gửi giữ tài sản với tổ chức, cá nhân có kho lưu giữ tài sản đó hoặc với tổ chức đang thuê kho.

5. Người ra quyết định tịch thu, tạm giữ chịu trách nhiệm về tài sản trước khi chuyển giao cho Trung tâm.

6. Trung tâm chịu trách nhiệm về tài sản kể từ thời điểm ký biên bản bàn giao tài sản.

7. Chi phí cho việc vận chuyển, bốc xếp, lưu kho, bảo quản tài sản được thanh toán từ tiền bán đấu giá tài sản.

Điều 5. Định giá tài sản

1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao tài sản, Sở Tài chính chủ trì phối hợp cùng người có thẩm quyền tịch thu tài sản và Trung tâm tiến hành xác định giá khởi điểm của tài sản để bán đấu giá. Việc xác định giá khởi điểm của tài sản để bán đấu giá phải được lập thành biên bản. Biên bản định giá được lập thành 03 bản, mỗi cơ quan giữ 01 bản để theo dõi tổng hợp xử lý bán đấu giá.

Đối với những tài sản thuộc loại khó định giá (tài sản chuyên dùng đơn chiếc, các tài sản không phổ biến trên thị trường): giao Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước và tài sản được xác lập sở hữu nhà nước thành phố tổ chức việc định giá khởi điểm những loại tài sản này.

2. Đối với tài sản, hàng hóa tịch thu phải đăng ký sở hữu theo quy định pháp luật (như xe ô tô, xe máy...) thì trước khi tiến hành việc định giá, Trung tâm hoặc người ra quyết định tịch thu tài sản tiến hành việc giám định hoặc trưng cầu cơ quan có chức năng giám định số khung, số máy (đối với xe ô tô, xe máy chưa có kết quả giám định) và chất lượng tài sản.

Riêng tài sản, hàng hóa bị tịch thu phải đăng ký sở hữu theo quy định pháp luật (xe ô tô, xe máy...) do người có thẩm quyền tịch thu thuộc Công an thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tịch thu thì trước khi chuyển giao, định giá người ra quyết định tịch thu tiến hành việc giám định hoặc trưng cầu các cơ quan có chức năng giám định số khung, số máy và chất lượng tài sản khi cần.

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả giám định tài sản, Trung tâm thông báo cho Sở Tài chính để định giá tài sản. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Trung tâm, Sở Tài chính phối hợp cùng Trung tâm và cơ quan của người có thẩm quyền tịch thu tài sản xác định giá khởi điểm của tài sản để bán đấu giá và lập biên bản định giá tài sản.

3. Việc xác định giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản Nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp với giá bán thực tế của tài sản cùng loại hoặc tương tự hiện có ở thị trường địa phương tại thời điểm xác định giá khởi điểm.

4. Sở Tài chính, Hội đồng định giá có thể thuê các đơn vị có chức năng định giá hoặc thẩm định giá xác định giá khởi điểm để xem xét, tham khảo trước khi quyết định.

5. Chi phí cho hoạt động định giá, thuê các đơn vị chức năng định giá được Sở Tài chính thanh toán từ số tiền bán đấu giá tài sản thu được.

Chương III **BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

Điều 6. Kế hoạch bán đấu giá tài sản và phối hợp cho xem tài sản

Trung tâm chịu trách nhiệm lập Kế hoạch tổ chức bán đấu giá tài sản gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản định giá tài sản (Kế hoạch thay cho thư mời chứng kiến cuộc bán đấu giá). Kế hoạch nêu rõ thời gian đăng báo, cho xem tài sản, hết hạn đăng ký tham gia đấu giá và thời gian tổ chức bán đấu giá. Tổ chức, cá nhân đang giữ tài sản căn cứ theo Kế hoạch trên để phối hợp cho xem tài sản theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (sau đây gọi là Nghị định 05/2005/NĐ-CP).

Điều 7. Tổ chức bán đấu giá tài sản

Trung tâm tổ chức bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo đúng quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Điều 8. Bàn giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá

1. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền, Trung tâm xuất hóa đơn bán tài sản và phối hợp với tổ chức, cá nhân đang giữ tài sản bàn giao tài sản cho người mua được tài sản theo Điều 24 Nghị định 05/2005/NĐ-CP. Trường hợp các tài sản đặc biệt thì thời hạn bàn giao là 10 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản nộp đủ tiền.

Trường hợp tài sản, hàng hóa phải dán tem, đóng búa kiểm lâm thì thời hạn bàn giao tài sản là 03 ngày, kể từ ngày tài sản được dán tem, đóng búa kiểm lâm. Việc dán tem và đóng búa kiểm lâm được thực hiện trước khi Trung tâm xuất hóa đơn.

2. Việc bàn giao tài sản được lập thành biên bản ghi rõ: ngày, tháng, năm bàn giao; người bàn giao; người nhận; chữ ký của người giao, người nhận; số lượng, tình trạng (chất lượng) tài sản.

3. Hết thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều này mà người mua được tài sản chưa nhận bàn giao tài sản (nguyên nhân chậm trễ không phải do lỗi của Trung tâm, người ra quyết định tịch thu và cơ quan có liên quan) thì người mua được tài sản phải chịu các chi phí cho việc gửi giữ tài sản.

Điều 9. Xử lý tài sản chưa bán được

1. Trường hợp hết thời hạn niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 12 Nghị định 05/2005/NĐ-CP mà không có người đăng ký mua, Trung tâm có văn bản thông báo cho Sở Tài chính, cơ quan ra quyết định tịch thu về việc bán đấu giá không thành và kiến nghị định giá lại để tiếp tục thông báo công khai và tổ chức bán đấu giá. Sau khi nhận được văn bản của Trung tâm, trong thời hạn 07 ngày, Sở Tài chính chủ trì cùng cơ quan ra quyết định tịch thu và Trung tâm căn cứ chất lượng hàng hóa, giá bán thực tế của tài sản cùng loại hoặc tương tự hiện có ở thị trường địa phương để tiến hành xác định tỷ lệ giảm giá bán tài sản so với giá khởi điểm cho phù hợp để tiếp tục đưa ra bán đấu giá.

2. Trường hợp tài sản được xác định không còn giá trị sử dụng, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản có trách nhiệm mời Sở Tài chính và cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tịch thu lập biên bản xác định tài sản không còn giá trị sử dụng. Trên cơ sở biên bản xác định tài sản không còn giá trị sử dụng và thông báo của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản, Thủ trưởng cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu quyết định thành lập Hội đồng để thanh lý, tiêu hủy tài sản trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản về việc tang vật, phương tiện tịch thu không bán được.

Thành phần của Hội đồng thanh lý tài sản bao gồm: Lãnh đạo cơ quan ra quyết định tịch thu làm Chủ tịch Hội đồng; lãnh đạo cơ quan tài chính cùng cấp làm Phó Chủ tịch Hội đồng. Tùy theo tính chất, đặc điểm của tang vật, phương tiện thanh lý, người có thẩm quyền thành lập Hội đồng quyết định các thành viên là đại diện cơ quan Tư pháp, Quản lý thị trường, Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản và các cơ quan chuyên môn có liên quan tham gia Hội đồng.

3. Các chi phí thực tế, hợp lý phát sinh từ việc định giá, chuyển giao, gửi giữ, tổ chức bán đấu giá tài sản nhưng không bán được tài sản và chi phí tiêu hủy tài sản được xác định không còn giá trị sử dụng, giao Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tạm ứng trước để thanh toán và được quyết toán trong chi phí bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước do vi phạm hành chính.

Điều 10. Quản lý số tiền bán đấu giá tài sản

1. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày người mua được tài sản bán đấu giá nộp đủ tiền, Trung tâm lập hồ sơ quyết toán gửi Sở Tài chính. Hồ sơ quyết toán gồm bản sao Biên bản bán đấu giá tài sản, bản chính Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá, bản chính các hóa đơn và chứng từ liên quan đến chi phí vận chuyển, bốc xếp, lưu kho, bảo quản tài sản, giám định và chi phí bán đấu giá theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ quyết toán, Sở Tài chính kiểm tra và có công văn duyệt quyết toán. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được công văn duyệt quyết toán của Sở Tài chính, Trung tâm nộp tiền bán tài sản vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính tại Kho bạc Nhà nước thành phố sau khi trừ chi phí bán đấu giá và các khoản chi phí mà Trung tâm đã thanh toán cho việc vận chuyển, giao nhận, bảo quản, giám định tài sản.

2. Sở Tài chính thanh toán các khoản chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến công tác xác minh, điều tra, mua tin, bắt giữ, cung cấp tin, phát hiện, xử lý vi phạm, xử lý tài sản (phân loại, định giá) và các chi phí khác có liên quan đến quản lý, xử lý tài sản.

3. Trong trường hợp người đăng ký mua tài sản bán đấu giá đã nộp một khoản tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc bán đấu giá mà không có lý do chính đáng thì khoản tiền đặt trước đó thuộc về ngân sách nhà nước. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị nộp ngân sách của Sở Tài chính, Trung tâm có trách nhiệm nộp toàn bộ khoản tiền đặt trước này vào ngân sách nhà nước thành phố theo quy định.

Chương IV**TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN****Điều 11. Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố**

1. Tiếp nhận, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính sau khi nhận bàn giao theo quy định tại Quy chế này.

2. Phối hợp trong việc xác định giá khởi điểm của tài sản, xác định tỷ lệ giảm giá bán so với giá khởi điểm của tài sản chưa bán được, để đưa ra bán đấu giá; tham gia Hội đồng thanh lý tài sản theo quy định tại Quy chế này.

3. Tổ chức bán đấu giá tài sản theo quy định pháp luật.

4. Cung cấp đầy đủ các giấy tờ liên quan đến tài sản bán đấu giá cho người mua được tài sản bán đấu giá; xuất hóa đơn cho người mua được tài sản bán đấu giá.
5. Thực hiện việc quyết toán, nộp tiền vào ngân sách nhà nước.
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Sở Tài chính

1. Chủ trì việc định giá tài sản theo đúng quy định pháp luật và là Chủ tịch Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước thành phố tổ chức việc định giá những tài sản thuộc loại khó định giá.
2. Tham gia Hội đồng thanh lý tài sản theo quy định tại Quy chế này.
3. Hướng dẫn các cơ quan có liên quan trong việc áp dụng đúng quy định pháp luật về công tác thu, chi tài chính trong lĩnh vực bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính.
4. Theo dõi, quản lý ngân sách trong việc bán đấu giá tài sản.
5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Người có thẩm quyền tịch thu, tạm giữ tài sản

1. Chịu trách nhiệm về việc tịch thu, tạm giữ, chuyển giao tài sản và tính chính xác của các thông tin liên quan đến tài sản đưa ra bán đấu giá.
2. Phối hợp trong việc xác định giá khởi điểm của tài sản, xác định tỷ lệ giảm giá bán so với giá khởi điểm của tài sản chưa bán được, để đưa ra bán đấu giá; thành lập và làm Chủ tịch Hội đồng thanh lý tài sản theo quy định tại Quy chế này.
3. Chịu trách nhiệm bảo quản tài sản theo quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.
4. Phối hợp giải quyết đăng ký quyền sở hữu tài sản bán đấu giá.
5. Trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan đến tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Trung tâm.
6. Giải quyết các khiếu nại theo thẩm quyền về những vấn đề liên quan đến việc xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Điều 14. Sở Tư pháp

1. Quản lý hoạt động của Trung tâm; theo dõi, chỉ đạo Trung tâm thực hiện đúng quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

2. Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Tư pháp về tổ chức và hoạt động bán đấu giá của Trung tâm; báo cáo sự phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan khác

1. Cục Thuế thành phố

Cục Thuế thành phố phối hợp với Trung tâm thực hiện việc dán tem đối với mặt hàng thuộc loại phải dán tem theo quy định pháp luật trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trung tâm.

2. Chi cục Kiểm lâm

Chi cục Kiểm lâm thực hiện việc đóng búa kiểm lâm theo quy định pháp luật trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Trung tâm.

3. Các cơ quan khác

Các cơ quan có liên quan phối hợp với Trung tâm để giải quyết những vụ việc phát sinh trong thời hạn 10 ngày, làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của Trung tâm.

Điều 16. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Giám đốc Trung tâm thực hiện việc thống kê, báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc đột xuất về hoạt động bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính cho Sở Tư pháp và Sở Tài chính.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Điều 2 Quy chế này khi báo cáo định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất những vấn đề có liên quan đến công tác bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện bị tịch thu do vi phạm hành chính cho cơ quan có thẩm quyền thì đồng thời gửi Sở Tư pháp thành phố một bản để theo dõi.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Triển khai thực hiện Quy chế

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Định kỳ 06 tháng hoặc khi cần thiết, Sở Tư pháp chủ trì họp với Sở Tài chính, người có thẩm quyền tịch thu tài sản, Trung tâm và các tổ chức, cá nhân có liên quan

để trao đổi thông tin, rút kinh nghiệm về công tác bán đấu giá tài sản và việc phối hợp thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, những nội dung chưa phù hợp hoặc khó khăn, vướng mắc phát sinh, Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để bổ sung, sửa đổi Quy chế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2009/QĐ-UBND

*Tân Bình, ngày 18 tháng 11 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Phòng Tư pháp quận Tân Bình****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2009/TTLT-BTP-BNV ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công tác tư pháp của Ủy ban nhân dân cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 71/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 14/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về thành lập Phòng Tư pháp quận Tân Bình;

Xét đề nghị của Trưởng Nội vụ tại Tờ trình số 53/TTr-PNV ngày 16 tháng 11 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận Tân Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Thị Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận Tân Bình
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1.1. Vị trí

Phòng Tư pháp quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

Phòng Tư pháp quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp.

1.2. Chức năng

Phòng Tư pháp quận tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: công tác xây dựng và thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự; chứng thực; hộ tịch; trợ giúp pháp lý; hòa giải ở cơ sở và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tư pháp quận Tân Bình có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

2.1. Trình Ủy ban nhân dân quận các văn bản hướng dẫn về công tác tư pháp và tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn theo quy định.

2.2. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị, kế hoạch 5 năm, hàng năm về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Phòng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý nhà nước được giao.

2.3. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận dự thảo các văn bản về lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2.4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc phạm vi quản lý.

2.5. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật:

a) Phối hợp xây dựng quyết định, chỉ thị thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân quận do các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận chủ trì xây dựng;

b) Thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận ban hành theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật, pháp lệnh theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận và hướng dẫn của Sở Tư pháp.

2.6. Về thi hành văn bản quy phạm pháp luật:

a) Theo dõi chung tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn;

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về theo dõi thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường;

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật và kiến nghị các biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn với Ủy ban nhân dân quận và Sở Tư pháp.

2.7. Về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật:

a) Giúp Ủy ban nhân dân quận tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân quận ban hành; hướng dẫn công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường thực hiện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân phường ban hành;

b) Thực hiện kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật.

2.8. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân quận ban hành; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đối với Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

2.9. Về phổ biến, giáo dục pháp luật:

a) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật sau khi được Ủy ban nhân dân quận phê duyệt;

b) Được phân công là thường trực Hội đồng Phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ở quận;

c) Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng, quản lý và khai thác tủ sách pháp luật ở phường và ở các cơ quan, đơn vị khác theo quy định của pháp luật.

2.10. Thẩm định dự thảo quy ước của tổ dân phố trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

2.11. Về chứng thực:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân phường trong việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

b) Thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài; chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng nước ngoài;

c) Thực hiện chứng thực một số việc khác theo quy định của pháp luật.

2.12. Về quản lý và đăng ký hộ tịch:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức, thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và đăng ký hộ tịch cho cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường;

b) Giúp Ủy ban nhân dân quận giải quyết việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên và xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch cho mọi trường hợp, không phân biệt độ tuổi, cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch theo quy định của pháp luật;

c) Quản lý các sổ sách, biểu mẫu về hộ tịch; lưu trữ sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch theo quy định pháp luật;

d) Đề nghị Ủy ban nhân dân quận quyết định việc thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ

hộ tịch do Ủy ban nhân dân phường cấp trái với quy định của pháp luật (trừ việc đăng ký kết hôn vi phạm về điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình).

2.13. Hòa giải ở cơ sở và trợ giúp pháp lý:

Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận và hướng dẫn của cơ quan tư pháp cấp trên;

Thực hiện nhiệm vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

2.14. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận trong công tác thi hành án dân sự trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2.15. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ về công tác tư pháp ở phường.

2.16. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra việc thi hành pháp luật về hoạt động tư pháp trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động tư pháp trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

2.17. Quản lý biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

2.18. Quản lý tài chính, tài sản theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

2.19. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Tư pháp.

2.20. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

3.1. Phòng Tư pháp có Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng và các công chức khác.

a) Trưởng Phòng Tư pháp chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy

ban nhân dân quận, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tư pháp về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo quy định của pháp luật.

d) Việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

3.2. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về tư pháp trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

3.3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tư pháp quận và đặc điểm tình hình cụ thể của đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tư pháp quận được tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân quận có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ chức danh, nhiệm vụ, khối lượng công việc, tính chất và đặc điểm công tác tại quận, Ủy ban nhân dân quận phân bổ biên chế cho Phòng Tư pháp cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tư pháp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

5.1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành các hoạt động của phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

5.2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

5.3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu cán bộ, công chức giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ, công chức đó phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

6.1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

6.2. Sau khi giao ban lãnh đạo phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

6.3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

6.4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo phòng trực tiếp phê duyệt.

6.5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

7.1. Đối với Sở Tư pháp:

Phòng Tư pháp chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tư pháp, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tư pháp.

7.2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tư pháp chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ

công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

7.3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tư pháp tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

7.4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng Tư pháp, Trưởng phòng có trách nhiệm giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết theo thẩm quyền.

7.5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tư pháp có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quyền hạn, trách nhiệm, chức danh công chức của phòng phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này trình Ủy ban nhân dân quận quyết định để thi hành.

Điều 9. Trưởng Phòng Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Thị Dư

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/2009/QĐ-UBND

Tân Bình, ngày 18 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 475/2009/TTLT-TTCT-BNV ngày 13 tháng 3 năm 2009 của Thanh tra Chính phủ, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thanh tra huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về thành lập Thanh tra quận Tân Bình;

Xét đề nghị của Trưởng Nội vụ tại Tờ trình số 52/TTr-PNV ngày 16 tháng 11 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận Tân Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Chánh Thanh tra và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Thị Dư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thanh tra quận tân bình
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2009/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình)*

Chương I VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1.1. Vị trí:

Thanh tra quận Tân Bình là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Thanh tra quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố.

1.2. Chức năng:

Thanh tra quận tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác: thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Thanh tra quận thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

2.1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2.2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chương trình, kế hoạch thanh tra hàng năm và các chương trình, kế hoạch khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, chương trình, kế hoạch sau khi được Ủy ban nhân dân quận hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phê duyệt.

2.4. Thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức phường.

2.5. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

2.6. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận hướng dẫn nghiệp vụ công tác cho các Ban Thanh tra nhân dân phường.

2.7. Về thanh tra:

a) Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân phường, của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

b) Thanh tra vụ việc có liên quan đến trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

c) Thanh tra vụ việc khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giao;

d) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra của Thanh tra quận và của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2.8. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo:

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

b) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận trong

việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; kiến nghị các biện pháp tăng cường công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

c) Xác minh, kết luận và kiến nghị việc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận khi được giao;

d) Xem xét, kết luận nội dung tố cáo mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận đã giải quyết nhưng có vi phạm pháp luật; trong trường hợp kết luận việc giải quyết có vi phạm pháp luật thì kiến nghị cơ quan đã giải quyết xem xét, giải quyết lại theo quy định;

e) Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quyết định giải quyết khiếu nại, quyết định xử lý tố cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

2.9. Về phòng, chống tham nhũng:

a) Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Ủy ban nhân dân phường và các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân quận;

b) Phối hợp với cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong việc phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết luận, quyết định của mình trong quá trình thanh tra vụ việc tham nhũng;

c) Quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập; tiến hành xác minh kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

d) Kiểm tra, giám sát nội bộ nhằm ngăn chặn hành vi tham nhũng trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng.

2.10. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyền hạn của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật; được yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia các Đoàn thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật phát hiện qua công tác thanh tra.

2.11. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra quận.

2.12. Tổng hợp, thông tin, báo cáo kết quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Thanh tra thành phố.

2.13. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Thanh tra quận theo quy định của pháp luật và theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

2.14. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận.

2.15. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Tổ chức bộ máy

3.1. Thanh tra quận có Chánh Thanh tra và không quá 03 Phó Chánh Thanh tra.

a) Chánh Thanh tra là người đứng đầu cơ quan Thanh tra quận, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra thành phố về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và sau khi thống nhất với Chánh Thanh tra thành phố.

b) Phó Chánh Thanh tra là người giúp Chánh Thanh tra, phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Chánh Thanh tra và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Chánh Thanh tra vắng mặt, một Phó Chánh Thanh tra được Chánh Thanh tra ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Thanh tra.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh Thanh tra do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và theo đề nghị của Chánh Thanh tra quận.

c) Việc khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách khác đối với Chánh Thanh tra và Phó Chánh Thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.2. Công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác quản lý nhà nước về thanh tra trên địa bàn quận, hưởng lương từ ngân sách được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, Thanh tra quận có thể sử dụng nhân viên hợp đồng và cộng tác viên để phục vụ công tác thanh tra.

3.3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực công chức, Thanh tra quận tổ chức thành các bộ phận gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Thanh tra.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể, Thanh tra quận có thể bố trí công chức phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tính chất đặc thù, phức tạp của công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tình hình cán bộ cụ thể, Ủy ban nhân dân quận bố trí biên chế cho Thanh tra cho phù hợp, đảm bảo đủ lực lượng để đáp ứng yêu cầu và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế hành chính của Thanh tra do Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

5.1. Chánh Thanh tra phụ trách, điều hành các hoạt động của Thanh tra và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Chánh Thanh tra phụ trách những lĩnh vực công tác được Chánh Thanh tra phân công, trực tiếp giải quyết các công việc phát sinh.

5.2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Chánh Thanh tra khác, Phó Chánh Thanh tra chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Chánh Thanh tra quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Chánh Thanh tra khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

5.3. Trong trường hợp Chánh Thanh tra trực tiếp yêu cầu Thanh tra viên hoặc chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Chánh Thanh tra, yêu cầu đó được thực hiện nhưng Thanh tra viên hoặc chuyên viên đó phải báo cáo cho Phó Chánh Thanh tra trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

6.1. Hàng tuần, lãnh đạo họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

6.2. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

6.3. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Thanh tra.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

7.1. Đối với Thanh tra thành phố:

Thanh tra quận chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Thanh tra thành phố, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Chánh Thanh tra thành phố.

7.2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Thanh tra chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của mình, Chánh Thanh tra trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và phải báo cáo với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ, Thanh tra phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về nội dung công tác của Thanh tra và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

7.3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của quận. Trong trường hợp Thanh tra chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Chánh Thanh tra tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

7.4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Thanh tra, Chánh Thanh tra có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

7.5. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp, hướng dẫn và kiểm tra đôn đốc Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Thanh tra;

b) Hướng dẫn các phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Thanh tra quản lý.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8.

Chánh Thanh tra quận có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này và xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng công chức, Thanh tra viên trong đơn vị.

Điều 9.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung chưa phù hợp, khó khăn, vướng mắc, Chánh Thanh tra đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự thỏa thuận của Trưởng Phòng Nội vụ quận./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Thị Dư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2009/QĐ-UBND

Tân Phú, ngày 05 tháng 11 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý kiến trúc đô thị trên trục đường Lũy Bán Bích quận Tân Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 29/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về quản lý kiến trúc đô thị;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về kiến trúc nhà liên kế trong khu đô thị hiện hữu;

Căn cứ Quyết định số 93/2008/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thẩm quyền thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị;

Căn cứ Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đô thị tại Tờ trình số 1220/TTr-QLĐT ngày 04 tháng 11 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về quản lý kiến trúc đô thị trên trục đường Lũy Bán Bích, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh (đoạn từ cầu Tân Hóa đến giao lộ Âu Cơ và Lũy Bán Bích).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Thủ trưởng các phòng, ban liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Sơn Nhì, phường Tân Thành, phường Phú Thọ Hòa, phường Phú Thạnh, phường Hòa Thạnh, phường Hiệp Tân, phường Tân Thới Hòa và các cá nhân, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về quản lý kiến trúc đô thị trên trục đường Lũy Bán Bích quận Tân Phú

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND

ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận Tân Phú)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Quy định này hướng dẫn việc quản lý đầu tư xây dựng cải tạo, tôn tạo, bảo vệ và sử dụng các công trình, cảnh quan trên trục đường Lũy Bán Bích, quận Tân Phú để phù hợp với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 của các phường trên địa bàn quận Tân Phú đã được phê duyệt.

Ngoài những quy định trong văn bản này, việc quản lý xây dựng đô thị còn phải tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

- Phạm vi áp dụng của Quy định này là các công trình xây dựng trên trục đường Lũy Bán Bích quận Tân Phú (*đoạn từ cầu Tân Hóa đến giao lộ Âu Cơ và Lũy Bán Bích*), trừ các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng mới.

- Các cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động xây dựng và quản lý kiến trúc đô thị trên trục đường Lũy Bán Bích phải thực hiện theo các quy định này.

Điều 2. Tóm tắt một số đặc điểm hiện trạng

1. Vị trí, giới hạn và quy mô

- Trục đường Lũy Bán Bích là một trong những trục đường quan trọng, nối các tỉnh phía Đông và phía Tây của thành phố Hồ Chí Minh. Đoạn đường Lũy Bán Bích trên địa bàn quận Tân Phú đi qua các phường Tân Sơn Nhì, phường Tân Thành, phường Phú Thọ Hòa, phường Phú Thạnh, phường Hòa Thạnh, phường Hiệp Tân và phường Tân Thới Hòa.

- Phạm vi giới hạn thiết kế là từ cầu Tân Hóa đến giao lộ Âu Cơ - Lũy Bán Bích, với chiều dài toàn tuyến 4.280m.

2. Đặc điểm về hiện trạng kiến trúc cảnh quan và quỹ đất sử dụng

- Hiện trạng khu vực hai bên trục đường Lũy Bán Bích phần lớn là nhà ở, với số lượng nhà cấp 03 và cấp 04 chiếm đa số, một phần nhỏ là nhà cấp 02 với tầng cao xây dựng trung bình từ 01 - 02 tầng.

- Trên toàn trục đường, phần lớn là các công trình nhà xưởng, thương mại, dịch vụ, tôn giáo,... được xây dựng xen kẽ với các dãy nhà phố. Đặc biệt chỉ có một vài khu vực tập trung nhà xưởng sản xuất dày đặc như khu vực địa bàn phường Tân Thành, phường Hòa Thạnh và phường Tân Thới Hòa.

Điều 3. Quy định về lộ giới, hành lang thương mại

- Lộ giới quy định là 23m, gồm lề đường 04m và lòng đường 15m.

- Chiều rộng hành lang thương mại là 3,5m tính từ ranh lộ giới hai bên đường về phía các công trình xây dựng. Hành lang thương mại chỉ áp dụng cho tầng trệt, các tầng còn lại của công trình vẫn được xây dựng theo quy định hiện hành.

(Hành lang thương mại theo Quy định này là hành lang đi bộ tách biệt với lề đường để khách hàng có thể tiếp cận với các cửa hàng thương mại, dịch vụ dọc theo trục đường).

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các yêu cầu đối với chủ đầu tư khi xây dựng công trình

Chủ đầu tư khi xây dựng công trình phải thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu trong Quy định này nhằm đảm bảo công trình đạt được các mục đích sau:

- Tạo ra một không gian kiến trúc đẹp và ấn tượng cho trục đường thương mại quan trọng của Quận, đồng thời kết hợp hài hòa giữa nét kiến trúc hiện đại và truyền thống của các công trình.

- Tăng giá trị sử dụng và thẩm mỹ cho khu vực, dẫn đến tăng giá trị kinh tế cho các khu đất trên tuyến đường và khu vực.

- Thiết kế các không gian, chiều cao, chi tiết kiến trúc, màu sắc vật liệu,... hài hòa cho từng công trình và giữa các công trình với nhau (*cổng, hàng rào, ban công, lan can,...*) có tỷ lệ tương xứng và đồng nhất trên toàn tuyến. Hạn chế sự phát triển tự phát, khác biệt về hình khối và màu sắc kiến trúc.

Điều 5. Quy định chung về hình khối và màu sắc kiến trúc đô thị

Tầng cao xây dựng tối đa cho các công trình nhà liên kế trên toàn tuyến đường là 08 tầng và sân thượng.

Chiều cao tầng trệt (*tầng 01, chỉ cho phép bố trí một tầng lửng*) với chiều cao tối đa là 7,0m so với cao độ vỉa hè. Các tầng lầu có chiều cao tối đa mỗi tầng là 3,4m. Trên phần sân thượng được bố trí mái che cầu thang với chiều cao tối đa không quá cao độ chuẩn của một tầng là 3,4m. Đối với công trình có quy mô cao nhất là 08 tầng, dàn hoa, mái che cầu thang nếu có thì chiều cao tối đa là 3,0m (*tính từ sàn sân thượng*).

Phần mái che cầu thang phải cách ranh đất mặt hậu tối thiểu 02 mét. Trường hợp bố trí mái che cầu thang là mái dốc thì có thể bố trí không có khoảng lùi phía sau.

Để đảm bảo không gian đô thị thông thoáng và mỹ quan, công trình xây dựng chỉ có thể đưa ban công ra khỏi ranh lộ giới tối đa 1,4m. Trên phần ban công vươn ra trên không gian lộ giới, không được phép xây dựng thành phòng. Các hình thức trang trí mặt tiền (*bao gồm lam trang trí, ô kính, tay vịn, ...*) không được vượt quá 50% diện tích bề mặt.

Trường hợp công trình có tầng hầm, phải đảm bảo phần nổi của tầng hầm (*tính đến sàn tầng trệt*) không quá 1,2m so với cao độ vỉa hè hiện hữu ổn định và vị trí đường xuống tầng hầm (*ram dốc*) cách ranh lộ giới tối thiểu 3,5m.

Mặt ngoài nhà (*gồm mặt tiền và mặt bên*) không được phép sử dụng các gam màu nóng, gam màu chói như màu đỏ, đen, cam, vàng, xanh lá, ... trên toàn bộ mặt tường, chỉ được phép sử dụng những màu này với tỷ lệ không quá 30% diện tích mặt ngoài nhà. Đồng thời, chủ đầu tư không được sử dụng các vật liệu phản quang quá 70% diện tích mặt ngoài.

Trong trường hợp có yêu cầu đặc biệt, tường rào phải có hình thức thoáng, nhẹ, mỹ quan. Chiều cao tối đa tường rào là 2,6 mét (*tính từ mặt vỉa hè hiện hữu ổn định tại địa điểm xây dựng*). Phần tường rào tiếp giáp đường phố và hẻm từ độ cao 0,6 mét trở lên phải thiết kế trống thoáng. Phần diện tích trống thoáng này tối thiểu phải chiếm 60% diện tích mặt đứng của tường rào.

Ngoài phần kết cấu chính, chủ đầu tư có thể bố trí lắp đặt các thiết bị điện cơ, bảng quảng cáo ở các mặt nhà, nhưng phải thỏa các yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành và không được gây ảnh hưởng và cản tầm nhìn của dãy nhà.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên các tuyến phố sẽ phải đi ngầm đối với các dự án

cải tạo toàn diện và lắp đặt mới. Hệ thống đèn chiếu sáng phải được bố trí trải đều trên toàn tuyến và chỉ được bố trí cột đèn tại vị trí giữa hai nhà liền kề.

Việc cải tạo chỉnh trang nhà liền kề trong khu vực hiện hữu sẽ được áp dụng theo quy định của Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về kiến trúc nhà liền kề trong khu đô thị hiện hữu và Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 135/2007/QĐ-UBND.

Điều 6. Các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng mới sẽ áp dụng theo quy định riêng của dự án đó.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7. Quy chế này áp dụng trong việc cấp phép xây dựng, hướng dẫn về quy hoạch - kiến trúc công trình, triển khai thiết kế đô thị và cấp chứng chỉ xây dựng trên tuyến đường Lũy Bán Bích quận Tân Phú đoạn từ cầu Tân Hóa đến giao lộ Âu Cơ - Lũy Bán Bích.

Điều 8. Mọi hành vi vi phạm Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, Phòng Quản lý đô thị và Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân quận để nghiên cứu, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Hạnh

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng